

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Quốc và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 45 ấp BQ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang; số điện thoại: 0987.16.00.76

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang; số điện thoại: 097.33.46.772

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị C trình bày:

Chị và anh N do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù chị C đã cố gắng khuyên nhủ để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh N không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng lúc càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị C yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Ngọc Bảo Ng, sinh ngày 17/3/2016. Khi ly hôn, chị C yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo Bản tự khai bị đơn là anh Trần Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị C.

Về con chung: Đồng ý giao cháu Trần Ngọc Bảo Ng, sinh ngày 17/3/2016 cho chị Trần Thị C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh N; yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Bảo Ng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì khó khăn trong việc đi lại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn anh N; giao cháu Trần N Bảo Nghi cho chị Trần Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Trần Thị C và anh Trần Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, do UBND xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang cấp ngày 07 tháng 4 năm 2015). Anh Trần

Văn N có hộ khẩu thường trú tại: Ấp PH, xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2015 tại UBND xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị C trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi anh N xảy ra tai nạn nên tính tình thay đổi, thường xuyên cáu gắt, gây sự vô cớ, mặc dù chị C đã cố gắng khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng lúc càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị C yêu cầu ly hôn. Tại Tờ tự khai đề ngày 27/3/2023 anh Trần Văn N trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị C, chị C được ly hôn anh N.

[3] *Về con chung:* Chị Trần Thị C trình bày có một con chung tên Trần Ngọc Bảo Ng, sinh ngày 17/3/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Anh Trần Văn N có ý kiến thống nhất giao cháu Nghi cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã ghi nhận ý kiến của cháu Ng qua đó cho thấy nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cho cháu Ng được phát triển tốt nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nghi cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, do chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị C và anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Trần Văn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị C được ly hôn anh Trần Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21, do UBND xã TP, huyện ThS, tỉnh An Giang cấp ngày 07 tháng 4 năm 2015 cho chị Trần Thị C và anh Trần Văn N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Ngọc Bảo Ng, sinh ngày 17/3/2016 cho chị Trần Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn N và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Trần Thị C. Chị Trần Thị C và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011606 ngày 22/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, chị C không phải nộp thêm. Anh Trần Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã Tây Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh